

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **443/2025/DS-PT**

Ngày 30-12-2025

V/v tranh chấp yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: ông Phạm Thái Bình và bà Vũ Thị Thanh Hòa

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST, ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 648/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 438/2025/QĐ-PT, ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Võ Thị T, sinh năm 1969 và ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: số B đường V, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Minh T1: bà Võ Thị T, sinh năm 1969 (theo Hợp đồng uỷ quyền số công chứng 993, quyền số: 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C1, số 02 đường A, xã L, tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 12/5/2025).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Võ Thị T, ông Huỳnh Minh T1: ông Trần Hải C, sinh năm 1976. Nơi thường trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng), theo Hợp đồng uỷ quyền số công chứng 003846 do Văn phòng C2; địa chỉ: số D N, phường P, tỉnh Lâm Đồng chứng nhận ngày 17/9/2025

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số B đường V, xã L, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Trần Văn Đ – Luật sư của Công ty L.

Địa chỉ: số A đường P, phường P, tỉnh Lâm Đồng

Do có kháng cáo của: bị đơn bà Nguyễn Thị T2.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Hải C trình bày:

Nguyên vợ chồng bà T, ông T1 với bà Nguyễn Thị T2 là bạn bè với nhau, bà T2 nhiều lần mượn tiền vợ chồng bà để làm ăn; tổng cộng 5 lần. Trong 4 lần trước bà T2 đều trả gốc và lãi đầy đủ. Lần mượn thứ 5 vào ngày 12/02/2022 Âm lịch (nhằm ngày 14/3/2022 Dương lịch) bà T2 do cần tiền để làm ăn nên đã năn nỉ vợ chồng bà mượn số tiền gốc là 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Đến ngày 17/02/2024 Âm lịch (nhằm ngày 26/3/2024 Dương lịch) bà T2 đã hoàn trả số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi vẫn chưa trả cho bà T. Bà T2 có làm giấy trong đó xác nhận còn nợ tiền lãi là 24 tháng x 9 triệu đồng = 216.000.000 đồng (*hai trăm mười sáu triệu đồng*) chụp nội dung và ký tên gửi hình ảnh từ Zalo bà T2 (số điện thoại Zalo bà T2 là: 0914.531.078) qua Zalo cho bà T (S điện thoại Zalo bà T là: 0911.229.552).

Sau đó, vợ chồng bà T có gửi thông báo cho bà T2 qua đường bưu điện yêu cầu bà T2 hạn cuối cùng vào ngày 28 tháng 02 năm 2025 phải hoàn trả số tiền lãi còn thiếu cho vợ chồng bà T nhưng bà T2 từ chối nhận và bưu điện có hoàn lại thông báo cho vợ chồng bà T.

Theo quy định của pháp luật thì lãi suất tối đa do các bên thỏa thuận, nhưng không vượt quá 20%/năm. Giữa vợ chồng bà T với bà T2 lúc đầu có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Thỏa thuận như vậy là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (tức là không vượt quá 20%/năm).

Nên vợ chồng bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong (nay Tòa án khu vực 14 – Lâm Đồng) giải quyết: buộc bà Nguyễn Thị T2 phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng bà T số tiền lãi còn nợ là 24 tháng cụ thể: $(450.000.000 \times 20\%/\text{năm} \times 24 \text{ tháng} = 180.000.000 \text{ đồng})$ (*một trăm tám mươi triệu đồng*) tiền lãi. Ngoài ra bà T không yêu cầu thêm các khoản nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Bà Thừa nhận vào ngày 12/02/2022 (Âm lịch) bà có mượn tiền bà Võ Thị T số tiền gốc 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Đến ngày 17/02/2024 Âm lịch (nhằm ngày 26/3/2024 Dương lịch) bà đã chuyển trả tất toán số tiền gốc 450.000.000 đồng vào số tài khoản 4808205280873 Ngân hàng A Chi nhánh T4 cho bà T. Đồng thời, cũng trong ngày 17/02/2024 Âm lịch (nhằm ngày 26/3/2024 Dương

lịch) bà đã đến nhà bà T thanh toán tiếp số tiền lãi 216.000.000 đồng (*Hai trăm mười sáu triệu đồng*) cho bà T và bà T đã trả giấy mượn tiền gốc cho bà, nhưng bà đã xé. Việc bà T, ông T1 khởi kiện yêu cầu bà phải có trách nhiệm hoàn cho bà T, ông T1 số tiền lãi còn thiếu là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) theo giấy xác nhận nợ đã cung cấp cho Tòa án là không có căn cứ. Vì giấy nhận nợ do bà T, ông T1 cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký, chữ viết của bà.

Còn Toàn bộ file ghi âm do bà T cung cấp cho Tòa án, Tòa án đã mở cho bà nghe sự trao đổi giữa bà với bà T, ông T1 về tiền lãi vào ngày hoà giải (ngày 13-8-2025) bà thừa nhận là giọng nói của bà nhưng bà chỉ nói cho qua chuyện, bà muốn nói là quyền của bà chứ bà không nợ gì bà T, ông T1 vì bà đã trả đủ số tiền lãi cho bà T vào lúc 17h20 phút ngày 17/02/2024 Âm lịch (nhằm ngày 26/3/2024 Dương lịch). Bà đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T, ông Huỳnh Minh T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày:

Về chứng cứ nguyên đơn khởi kiện bị đơn là xuất phát từ giấy mượn tiền ngày 12/02/2022 ÂL, đến khi khởi kiện thì nguyên đơn cung cấp xác nhận mới ghi vào ngày 26-3-2024 (DL). Bị đơn xác nhận còn nợ tiền lãi của nguyên đơn số tiền là 216.000.000 đồng (*Hai trăm mười sáu triệu đồng*) là có thực. Sau đó, bị đơn thừa nhận đã trả lại cho nguyên đơn vào chiều ngày trả tiền gốc là ngày 26-3-2024 (DL) nên nguyên đơn đã trả lại giấy mượn tiền gốc cho bị đơn và bị đơn đã xé, còn những hội thoại thông qua các file ghi âm (ngày 27, 28/4/2024 đều là giọng nói của bị đơn bà T2) là sau thời điểm bị đơn đã trả nợ rồi, và những hội thoại nguyên đơn cung cấp không thể hiện bị đơn thừa nhận nợ lãi là 216.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận là có nợ nhưng khoản nợ chỉ là 15.000.000 đồng tiền lãi (của 05 tháng nhuận) và bị đơn thừa nhận có nhận nợ chỉ là câu nói cho qua chuyện. Nguyên đơn có chuẩn bị chứng cứ là các file ghi âm rất công phu nhưng không có chứng cứ nào chứng minh là bị đơn còn nợ tiền lãi là 216.000.000 đồng nên chứng cứ của nguyên đơn không có tính pháp lý. Hơn nữa, nguyên đơn muốn đi khởi kiện thì phải có hợp đồng vay mượn, còn việc nguyên đơn lập vi bằng thì vi bằng đã vi phạm pháp luật không thể hiện ngày lập. Vì những lý do tôi vừa phân tích, tôi đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T, ông Huỳnh Minh T1 đối với bà Nguyễn Thị T2, về việc tranh chấp “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

- Buộc bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả số tiền lãi cho bà Võ Thị T, ông Huỳnh Minh T1 là 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, ông T1.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: đối với khoản tiền lãi 216.000.000 đồng đã thực hiện xong nên bà T mới trả lại giấy vay gốc theo nguyên tắc làm ăn vay mượn của bà T và bà T2 từ trước đến nay. Giữa hai bên không có giấy tờ gì xác nhận để cho rằng có nợ khoản tiền trên, do đó yêu cầu Tòa án phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T2 là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền vay là 450.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố

tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” là đúng quan hệ tranh chấp.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn L, tỉnh Bình Thuận nay là xã L, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án huyện T, tỉnh Bình Thuận cũ, nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Nguyễn Thị T2 thừa nhận nhiều lần vay mượn tiền của vợ chồng bà T, ông T1. Trong các lần vay trước bà T2 đã trả nợ gốc và lãi đầy đủ. Lần mượn vào ngày 12/02/2022 Âm lịch (nhằm ngày 14/3/2022 Dương lịch) bà T2 mượn bà T số tiền gốc là 450.000.000 (*bốn trăm năm mươi triệu*) đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng và vay không kỳ hạn. Các lần giao dịch được hai bên thông qua tài khoản Zalo của bà T và bà T2. Ngày 17/02/2024 ÂL (nhằm ngày 26/3/2024 DL) bà T2 đã trả toàn bộ số nợ gốc 450.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 4808205280873 mở tại Ngân hàng A - Chi nhánh T4 của bà T. Bà Võ Thị T cung cấp các hình ảnh chụp trên có nội dung bà Nguyễn Thị T2 có làm giấy trong đó xác nhận còn nợ tiền lãi của 24 tháng là 216.000.000 (*hai trăm mười sáu triệu*) đồng, bà T2 ký ghi họ tên Nguyễn Thị T2 và gửi hình ảnh từ Zalo bà T2 (có số điện thoại zalo bà 0914 531 078) qua zalo bà Võ Thị T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo cho rằng do bà T không đồng ý cho nợ lại khoản tiền lãi, yêu cầu phải trả ngay số tiền trên nên bà T2 đã trả số tiền lãi 216.000.000 đồng bằng tiền mặt vào chiều cùng ngày 26/3/2024 (*ngày của trả nợ số tiền gốc 450.000.000 đồng*) và khi trả tiền không có ai chứng kiến, cũng không ký giấy xác nhận về việc trả tiền đối với số tiền 216.000.000 đồng. Sau khi trả hết tiền thì nguyên đơn bà T giao giấy vay tiền gốc cho bị đơn và bị đơn đã xé bỏ và hiện nay không còn nợ tiền gì của nguyên đơn.

[4.1] Các đương sự tại Tòa đều thừa nhận sau khi trả hết nợ gốc là 450.000.000 đồng thì bà T2 xác nhận còn nợ lại tiền lãi của 24 tháng x 9.000.000 đồng = 216.000.000 đồng (lãi suất thỏa thuận của 2%/tháng). Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn bà Nguyễn Thị T2 còn nợ nguyên đơn bà Võ Thị T số tiền lãi là 216.000.000 đồng, do thỏa thuận tiền lãi quá lãi suất quy định nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 180.000.000 đồng.

[4.2] Bà T2 cho rằng bà đã trả tiền gốc cho bà T ngày 26/3/2024; còn tiền lãi đã trả cho bà T vào lúc 19 giờ 20 phút ngày 26/3/2024 nhưng tại Vi bằng số: 166/2025/VB.TPL ngày 15/8/2025 do Thừa phát lại B lập (bút lục 67) thể hiện tin nhắn qua lại giữa hai bên vào lúc 12:06 ngày 27/3/2024 bà T2 gửi cho bà T có nội dung: *ngày 17 tháng 02 năm 2024 (Âm lịch) tôi đã chuyển khoản T dứt điểm tiền gốc 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Còn lại 216.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu đồng chẵn) tiền lãi Tôi xin trả dần.* Ngoài ra Vi bằng trên

còn thể hiện nội dung các bên có nhắn tin qua lại với nhau xác nhận vấn đề nợ lãi trả dần.

[4.3] Tại phiên tòa bà T2 cung cấp thêm tài liệu là vi bằng lập vào lúc 14h ngày 23/12/2025 có lời thoại của một giọng Nữ như nội dung không rõ để xác định có nội dung trả hoặc vay đối với số tiền 450.000.000 đồng và tiền lãi 216.000.000 đồng như các đương sự đang tranh chấp hoặc đương sự chứng minh được việc đã trả xong khoản tiền 216.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo cho rằng đã trả tiền lãi cho bà T, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ của mình, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T2 phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 180.000.000 đồng (20%/năm) là đúng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự “*trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...* ”.

Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình, nên không có cơ sở để chấp nhận như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2025/DS-ST, ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T, ông Huỳnh Minh T1 đối với bà Nguyễn Thị T2, về việc tranh chấp “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

- Buộc bà Nguyễn Thị T2 có trách nhiệm trả số tiền lãi cho bà Võ Thị T, ông Huỳnh Minh T1 là **180.000.000** đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án phải thi hành xong số tiền phải thi hành, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành thì phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu **9.000.000** (*chín triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả cho bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí còn lại **4.500.000** (*bốn triệu năm trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007457 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong (nay Phòng THA dân sự khu vực A - Lâm Đồng).

2.2 Về án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị T2 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng án tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005803 này 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/12/2025).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thái